

Nguyễn Văn Quyền - Uyên Uyên - Nguyễn Hương Ly

• ÔN HÈ •

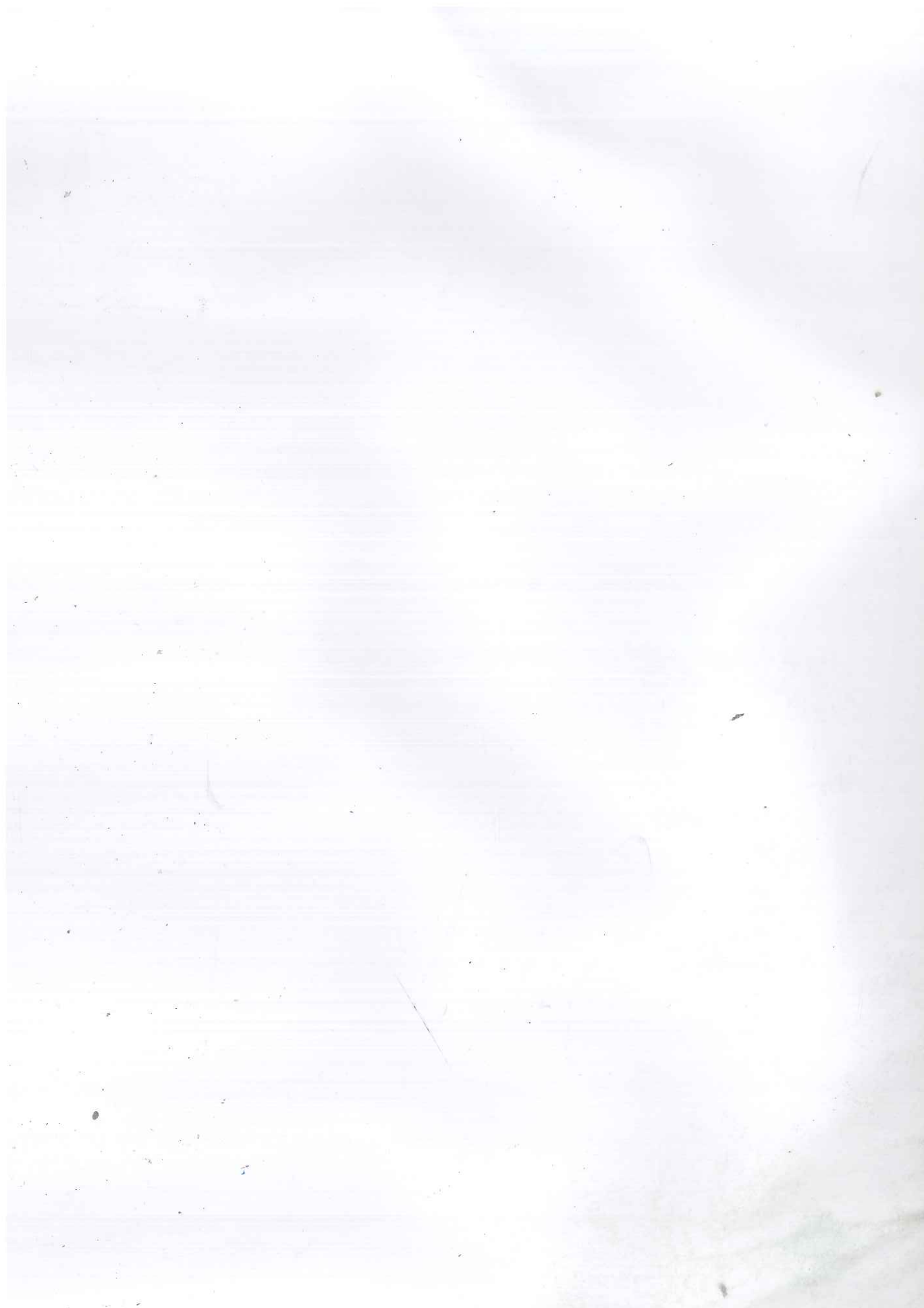
TIẾNG VIỆT 2

Dành cho học sinh lớp 2 lên lớp 3

Theo chương trình sách giáo khoa mới nhất
Cánh Diều - Kết Nối - Chân Trời Sáng Tạo

- ✓ Hệ thống kiến thức năm học lớp 2
- ✓ Ôn tập chuyên đề từ cơ bản đến nâng cao
- ✓ Đáp án chi tiết
- ✓ Đề khảo sát đầu năm học





Lời nói đầu

Nhằm giúp các em học sinh, các bậc phụ huynh cũng như các thầy cô có tài liệu tham khảo để dạy tốt - học tốt, chúng tôi đã biên soạn cuốn *"Ôn hệ Tiếng Việt 2 - Theo chương trình mới"*

Cuốn sách này sẽ gồm các dạng bài tập, giúp học sinh ôn tập bài theo chủ đề của cả năm học lớp 2 vừa qua. Sau khi bước vào chương trình sách lớp 2 mới, hẳn các em còn nhiều ngỡ ngàng. Cuốn sách đã tổng hợp nội dung, dạng bài của cả 3 chương trình học:

Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo, Cánh diều

Nội dung câu hỏi và bài tập bám sát với chương trình học của các em học sinh. Thông qua các bài luyện tập như vậy, giáo viên và phụ huynh có thể đánh giá được năng lực của học sinh và con em mình. Đồng thời, các em học sinh có thể nâng cao năng lực, củng cố kiến thức và quan trọng hơn hết là chuẩn bị cho mình một tâm thế vững vàng, tự tin để bước sang năm học lớp 3 với một tinh thần tốt nhất.

Mặc dù rất cố gắng khi biên soạn, nhưng quyển sách có thể còn những hạn chế nhất định. Rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp từ phía bạn đọc.

Xin chân thành cảm ơn

Các tác giả

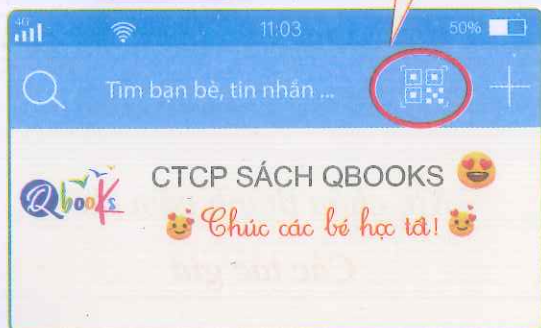
Mục lục

- 3 HỆ THỐNG KIẾN THỨC TRỌNG TÂM
- 17 DẠNG 1: CHÍNH TẢ
- 21 DẠNG 2: DẤU CÂU
- 25 DẠNG 3: KIỂU CÂU
- 33 DẠNG 4: CÁC BỘ PHẬN CÂU
- 37 DẠNG 5: TỪ LOẠI
- 44 DẠNG 6: MỞ RỘNG VỐN TỪ
- 53 DẠNG 7: LỜI ĐÁP
- 56 DẠNG 8: TẬP LÀM VĂN
- 62 ĐỀ KHẢO SÁT ĐẦU NĂM SỐ 1
- 65 ĐỀ KHẢO SÁT ĐẦU NĂM SỐ 2
- 68 ĐỀ KHẢO SÁT ĐẦU NĂM SỐ 3

Vào ứng dụng
Zalo!



Bấm vào
đây

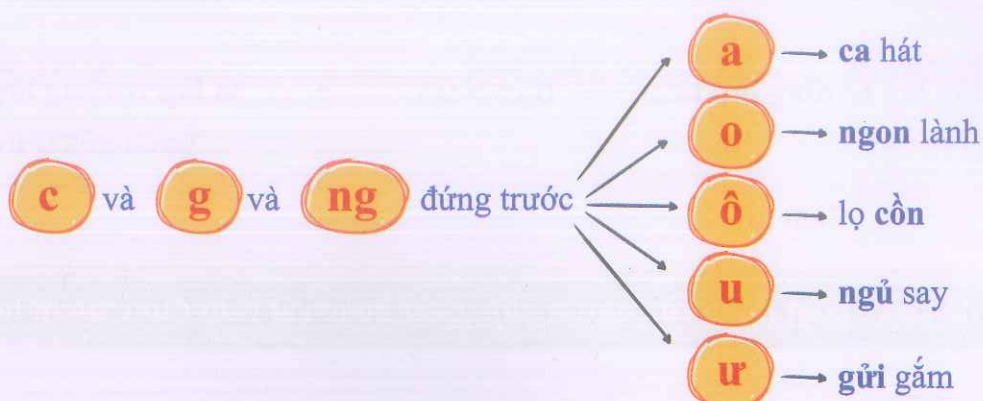


Hệ thống kiến thức trọng tâm

I. Chính tả:

1. Quy tắc chính tả:

Phân biệt: “c” – “k”; “ng” – “ngh”; “g” – “gh”



II. Ngữ âm và chữ viết:

2. Quy tắc viết hoa tên riêng:

Tên riêng của người, sông, núi,... các em phải viết hoa.

Ví dụ:

• Tên người: Nguyễn Minh Quý

• Tên núi: (núi) Bà Đen

• Tên sông: (sông) Cửu Long

• Tên thành phố: Hà Nội

III. Kiểu câu:

Kiến thức dành cho chương trình sách giáo khoa Cánh Diều, Chân Trời Sáng Tạo.

3. Câu kiểu Ai – là gì?

Dùng để nhận định, giới thiệu về một người, một vật nào đó.

Ai là gì?

Ai

+

là gì?

Trả lời cho câu hỏi
ai, cái gì, con gì.

Trả lời cho câu hỏi
ai, cái gì, con gì.

Bạn Nam là lớp trưởng lớp tôi. → Bạn Nam + là lớp trưởng lớp tôi.

4. Câu kiểu Ai – làm gì?

Dùng để kể về hoạt động của người, động vật hoặc vật (khi được nhân hóa).

Ai làm gì?

Ai

+

làm gì?

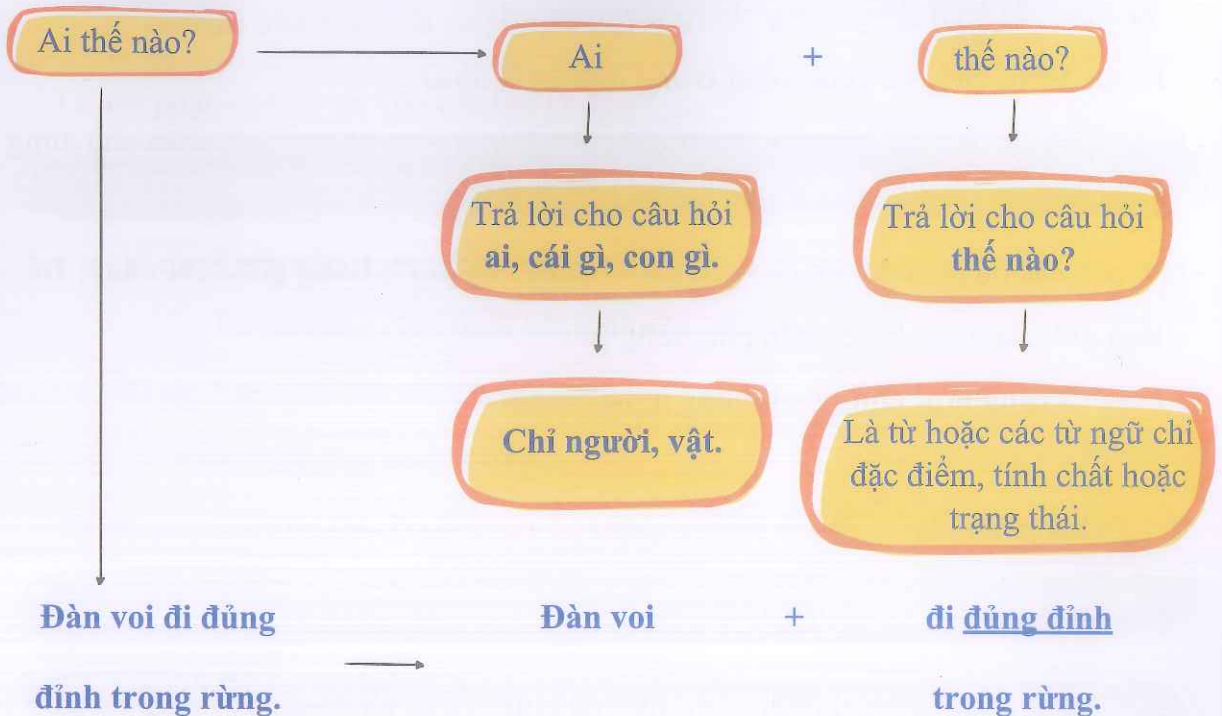
Trả lời cho câu hỏi **Ai?**, **Con gì?** Ít khi trả lời cho câu hỏi **Cái gì?** (Trừ trường hợp sự vật ở bộ phận đứng trước được nhân hóa).

Trả lời cho câu hỏi
làm gì?

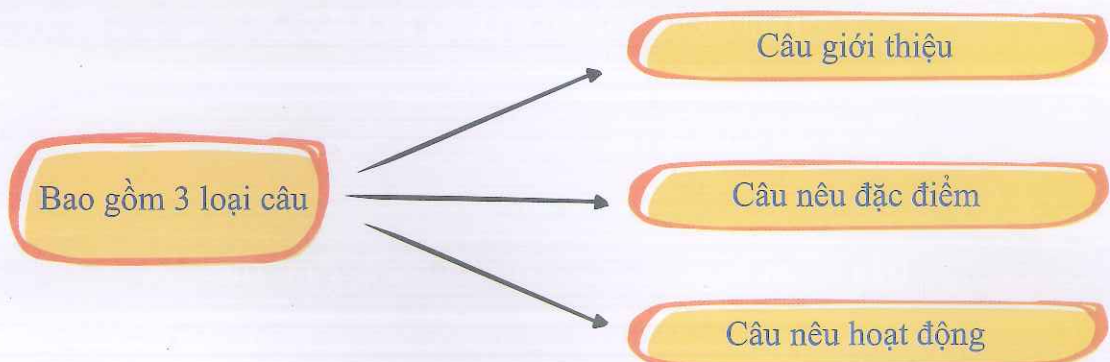
Đàn trâu đang gặm cỏ trên cánh đồng. → Đàn trâu + đang gặm cỏ trên cánh đồng.

5. Câu kiểu Ai – thế nào?

Dùng để miêu tả đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái của người, vật.



Kiến thức dành cho chương trình sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống.



Lưu ý: Học sinh nên sử dụng từ chỉ đặc điểm, từ chỉ hoạt động để đặt câu. Chức năng của 3 loại câu trong chương trình Kết nối tri thức với cuộc sống, tương tự như 3 loại câu trong chương trình Cánh Diều và Chân trời sáng tạo. Các em hãy tham khảo cách phân tích các loại câu trên.

IV. Dấu câu:

6. Dầu phây.

- Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu (Ngăn cách các từ cùng chỉ đặc điểm, từ cùng chỉ hoạt động, cùng chỉ sự vật trong câu).

Ví dụ: Mèo, chó, gà cùng sống trong một ngôi nhà.

- Ngăn cách thành phần phụ với thành phần chính trong câu (Khi thành phần phụ đứng ở đầu câu).

- Ở lớp 2, các bộ phận trả lời cho câu hỏi **Ở đâu?**; **Vì sao?**; **Bằng gì?**; **Khi nào?**; **Để làm gì?**... tạm gọi là bộ phận phụ trong câu.

Ví dụ: Trong lớp, chúng em đang nghe giảng.



7. Dấu chấm (.).

Dấu chấm dùng để kết thúc câu kể.

Ví dụ: Em là học sinh lớp 3A.

8. Dấu chấm hỏi (?).

Dấu chấm hỏi đặt ở cuối câu hỏi.

Ví dụ: Hôm nay, ở lớp con có vui không?

9. Dấu chấm than (!).

Dấu chấm than dùng ở cuối câu bộc lộ cảm xúc.

Ví dụ: A, mẹ đã về!

V. Các bộ phận của câu:

10. Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi **Khi nào?**

Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi “Khi nào?” thường chỉ thời gian.

Ví dụ: Ở trường, em vui nhất khi được điểm tốt.

→ Ở trường, em vui nhất **khi nào?**

Ví dụ: Tháng sáu, học sinh được nghỉ hè.

→ **Khi nào** học sinh được nghỉ hè?

11. Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi **Ở đâu?**

Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi “**Ở đâu?**” thường *chỉ địa điểm, nơi chốn*.

Ví dụ: Trên sân, lũ trẻ đang chơi đuổi bắt.

→ Lũ trẻ đang chơi đuổi bắt **ở đâu?**

Ví dụ: Em ngồi đọc sách ở thư viện.

→ Em ngồi đọc sách **ở đâu?**

12. Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi **Vì sao?**

Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi “**Vì sao?**” thường *chỉ nguyên nhân, lí do*.

Ví dụ: Vì lười học, nên em không đạt điểm tốt.

→ **Vì sao** em không đạt điểm tốt?

Ví dụ: Không được bơi ở đoạn sông này vì có nước xoáy.

→ Không được bơi ở đoạn sông này **vì sao?**

13. Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi **Như thế nào?**

Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi **Như thế nào?**
thường là những từ ngữ *chỉ đặc điểm, tính chất*.

Ví dụ: Chim đậu trắng xóa trên những cành cây.

→ Chim đậu trên những cành cây **như thế nào?**

Ví dụ: Trâu cày rất khỏe.

→ Trâu cày **như thế nào?**

14. Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi **Để làm gì?**

Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi **Để làm gì?** thường *chỉ mục đích*.

Ví dụ: Người ta trồng lúa **để có gạo ăn**.

→ Người ta trồng lúa **để làm gì?**

Ví dụ: **Để không bị ốm**, ta nên mặc áo ấm.

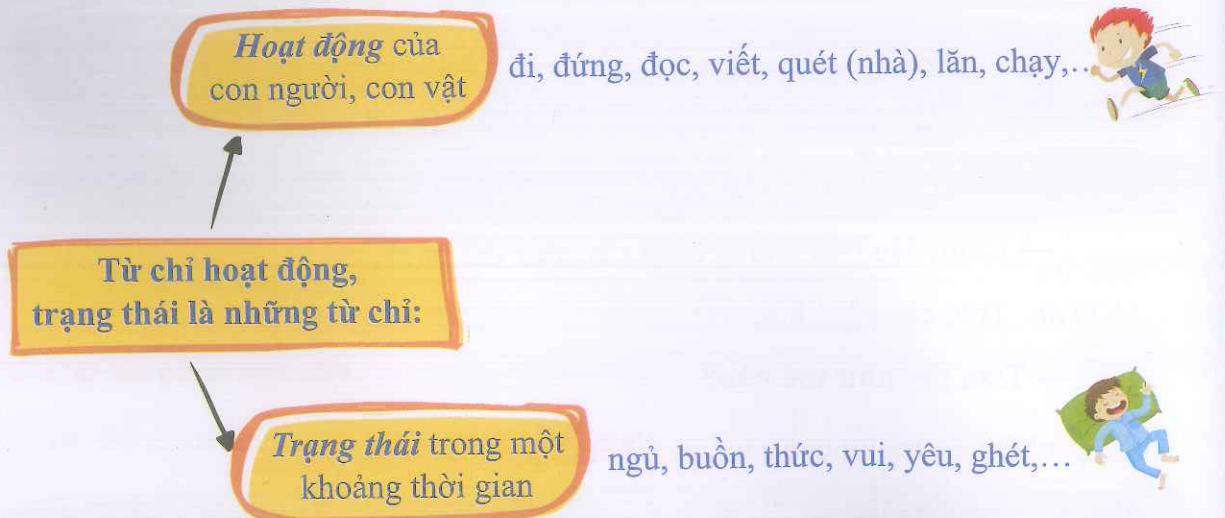
→ Chúng ta nên mặc áo ấm **để làm gì?**

VI. Từ loại:

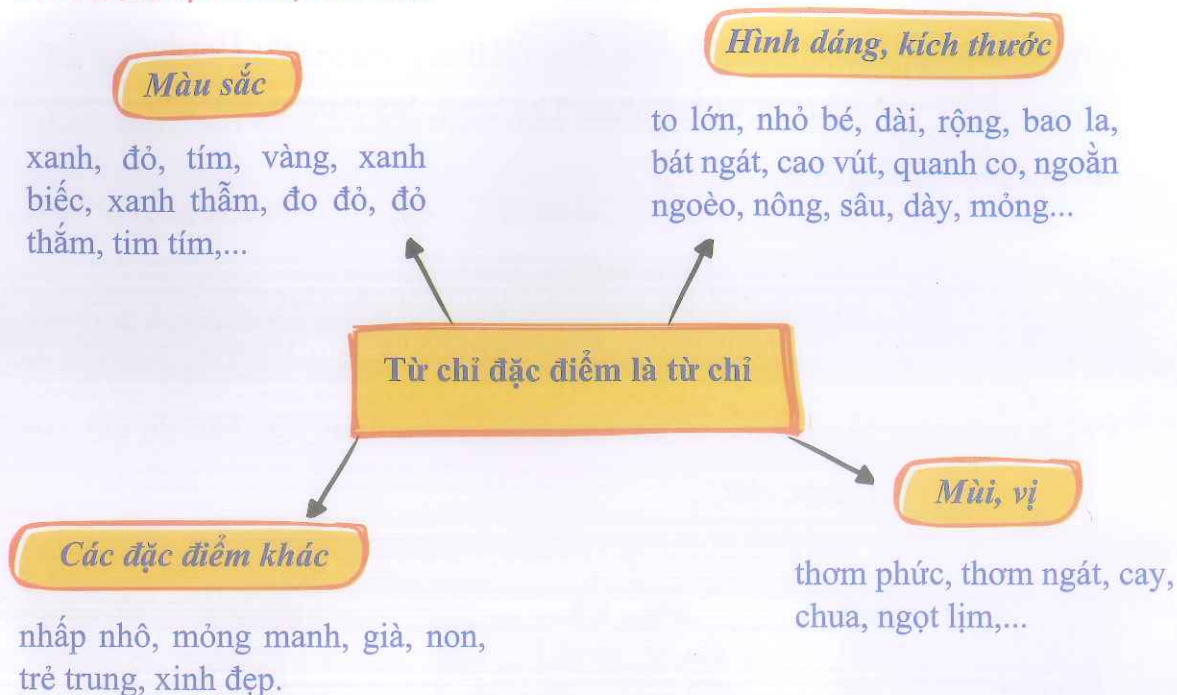
15. Từ chỉ sự vật.



16. Từ chỉ hoạt động, trạng thái.



17. Từ chỉ đặc điểm, tính chất.



VII. Mở rộng vốn từ:

18. Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về “học tập”.

- Các từ có tiếng **học**: học hành, học tập, học hỏi, học lỏm, học phí, học sinh, học đường, năm học,...
- Các từ có tiếng **tập**: tập đọc, tập viết, tập làm văn, tập thể dục, tập tành, học tập, luyện tập, bài tập,...

19. Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về “ngày, tháng, năm”.

- Hôm nay là ngày bao nhiêu? → Hôm nay là ngày hai mươi sáu.
- Tháng này là tháng mấy? → Tháng này là tháng chín.
- Năm nay là năm bao nhiêu? → Năm nay là năm 2022.
- Hôm nay là thứ mấy? → Hôm nay là thứ năm.

20. Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về “đồ dùng học tập”.

Từ chỉ đồ dùng học tập là từ chỉ sự vật (chỉ đồ vật).

- Một số đồ dùng học tập: bút chì, bút mực, bút màu, thước kẻ, tẩy, sách, vở, mực,...

21. Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về “các môn học”.

- Các môn học: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Thể dục
Nghệ thuật (Âm nhạc, Thủ công, Mỹ thuật).
- Môn tự chọn: Tiếng Anh.

22. Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về “họ hàng”.

Từ chỉ họ hàng là từ **chỉ sự vật (chỉ người)**.

- Các từ ngữ: ông, bà, cô, chú, cụ già, con cháu, cháu, thím, cậu, bác, dì, mợ, con dâu, con rể, chắt, chắt, chít, chít,...

Họ ngoại

Ông ngoại, bà ngoại, dì, cậu, mợ, bác,...



Họ nội

Ông nội, bà nội, cô, chú, bác,...

23. Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về “đồ dùng và công việc trong nhà”.

Từ chỉ đồ dùng trong nhà

↓
là từ chỉ sự vật (chỉ đồ vật)

thìa, chảo, bàn, dao, chén, thớt,
móc treo quần áo, thang, đàn, cốc,
nồi, quạt,...

Từ chỉ công việc trong nhà

↓
là từ chỉ hoạt động, trạng thái

rửa bát, phơi quần áo, gấp quần áo,
lau nhà, quét nhà,...

24. Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về “nghề nghiệp”.

- Nghề nghiệp: công nhân, công an, nông dân, bác sĩ, lái xe, người bán hàng, bộ đội, thợ điện, giáo viên, kĩ sư, kiến trúc sư, họa sĩ, diễn viên,...



25. Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về “tình cảm”.

- Từ ngữ thể hiện tình cảm: yêu thương, thương yêu, yêu mến, mến yêu, kính yêu, kính mến, yêu quý, thương mến, mến thương, quý mến,...

26. Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về “vật nuôi”.

Từ chỉ vật nuôi là từ chỉ sự vật (chỉ con vật).

- Con vật nuôi: trâu, bò, lợn,...



27. Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về “các mùa”.

Ở nước ta có 4 mùa: Xuân, Hạ (Hè), Thu, Đông.

Mùa	Tháng bắt đầu	Tháng kết thúc
Mùa xuân	Tháng 1	Tháng 3
Mùa hạ (hè)	Tháng 4	Tháng 6
Mùa thu	Tháng 7	Tháng 9
Mùa đông	Tháng 10	Tháng 12

28. Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về “thời tiết”.

Từ chỉ thời tiết là từ chỉ sự vật (chỉ hiện tượng thời tiết).

Mùa	Thời tiết
Mùa xuân	ấm áp
Mùa hạ (hè)	nóng bức, oi nồng
Mùa thu	se se lạnh
Mùa đông	mưa phùn gió bắc, giá lạnh

29. Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về “chim chóc”.

Từ chỉ chim chóc là từ chỉ sự vật (chỉ con vật).

Gọi tên theo hình dáng	Gọi tên theo tiếng kêu	Gọi tên theo cách kiếm ăn
Chim cánh cụt	Chim tu hú	Chim bói cá
Chim cú mèo	Chim cuốc	Chim sâu
Chim vàng anh	Chim quạ	Chim gõ kiến

30. Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về “muông thú”.



Thú dữ

là loài thú ăn thịt, thường có kích thước to lớn, chúng khá hung dữ và có thể tấn công cả con người.

hổ, báo, gấu, lợn lòi, chó sói, sư tử, bò rừng, tê giác, ...



Thú không nguy hiểm

chủ yếu là những con thú ăn cỏ, lá cây. Đa số chúng không gây nguy hiểm cho con người.

thỏ, ngựa vằn, khỉ, vượn, sóc, chồn, cáo, hươu, ...

31. Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về “sông biển”.

Từ ngữ chỉ sông biển là từ chỉ sự vật.

- Từ ngữ về biển:	biển khơi, biển xa, cửa biển, sóng biển, bờ biển, nước biển, cá biển
- Dòng nước chảy tương đối lớn, trên đó thuyền bè đi lại được:	sông
- Dòng nước chảy tự nhiên ở đồi núi:	suối
- Nơi đất trũng chứa nước, tương đối rộng và sâu, ở trong đất liền:	hồ

32. Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về “cây cối”.

Từ chỉ cây cối là từ chỉ sự vật (chỉ cây cối).

- Cây lương thực, thực phẩm là cây lấy hạt, củ, thân, lá hoặc hoa làm thức ăn hàng ngày của con người.	<i>cây lúa, cây rau cải, cây mía, ...</i>
- Cây ăn quả (cây ăn trái) là các loại cây trồng hoặc quả rừng mà quả (trái) được dùng để ăn.	<i>cây xoài, cây mít, cây cam, cây táo,...</i>
- Cây lấy gỗ là các loài cây mà người ta thường lấy thân nó để làm đồ dùng, vật dụng như bàn, ghế, tủ,...	<i>cây xoan, cây bạch đàn, cây xà cừ, ...</i>
- Cây bóng mát là những loại cây có tán xòe rộng, to được trồng để che bóng mát.	<i>cây bàng, cây bằng lăng, cây phượng,...</i>
- Cây hoa là những loài hoa được trồng để nhìn, ngắm, để tận hưởng mùi hương, màu sắc, để trang trí nhà cửa, vườn, đường,...	<i>hoa cúc, hoa hồng, hoa ly, hoa loa kèn,...</i>

32. Mở rộng vốn từ: Từ ngữ về “Bác Hồ”.



Bác Hồ là vị lãnh tụ vĩ đại của đất nước Việt Nam.

- Từ ngữ nói lên tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi:

thương yêu, yêu quý, mến yêu,
thương nhớ, quan tâm, chăm sóc,
chăm lo,...

- Từ ngữ nói lên tình cảm của thiếu nhi với Bác Hồ:

kính yêu, kính mến, biết ơn, tôn kính,
nhớ ơn, thương nhớ, nhớ thương.

VIII. Tập làm văn (Kể và tả).

34. Giới thiệu bản thân.

Dàn ý giới thiệu bản thân

- Tên em là gì?
- Quê em ở đâu?
- Em học lớp nào, trường nào?
- Em thích những môn học nào?
- Em thích làm những việc gì?



35. Kể ngắn về người thân.

Dàn ý kể về người thân

- Ông, bà (hoặc người thân) của em năm nay bao nhiêu tuổi?
- Ông, bà (hoặc người thân) của em làm nghề gì?
- Ông, bà (hoặc người thân) của em yêu quý, chăm sóc em như thế nào?



36. Kể ngắn về gia đình.

Dàn ý kể về gia đình

- Gia đình em gồm mấy người? Đó là những ai?
- Nói về từng người trong gia đình em.
- Em yêu quý những người trong gia đình em như thế nào?



37. Kể ngắn về anh chị em.

Dàn ý kể về anh chị em

- Anh (chị) em tên gì? Năm nay bao nhiêu tuổi?
- Anh (chị) em học lớp mấy (làm nghề gì)?
- Anh (chị) em có đặc điểm gì nổi bật?
- Anh (chị) em quan tâm, chăm sóc em như thế nào?
- Nêu tình cảm của em dành cho anh (chị) em.

38. Kể ngắn về con vật nuôi.

Dàn ý kể về con vật

Đó là con gì, ở đâu?

Hình dáng con vật ấy có đặc điểm gì nổi bật?

Hoạt động của con vật ấy có gì ngộ nghĩnh đáng yêu?



39. Tả ngắn về bốn mùa. (Em hãy chọn 1 mùa để tả)

Dàn ý tả về một mùa trong năm

Mùa đó bắt đầu từ tháng nào và kết thúc vào tháng nào trong năm?

Thời tiết mùa đó như thế nào?

Cảnh vật mùa đó như thế nào?

Mọi người thường làm gì vào khoảng thời gian đó?

40. Tả ngắn về loài chim.

Dàn ý tả về một loài chim

Đó là loại chim nào?

Đặc điểm của loài chim đó (hình dáng, màu sắc, cái mỏ, đôi cánh...)?

Loài chim đó thường có hoạt động gì?



41. Tả ngắn về biển (Em hãy dựa vào tranh vẽ để tả cảnh biển).

Dàn ý tả về biển

Tranh vẽ cảnh gì?

Sóng biển như thế nào?

Trên mặt biển có những gì?

Trên bầu trời có những gì?



42. Tả ngắn về cây cối.

Dàn ý tả về cây cối

→ Đó là cây gì?

→ Cây được trồng ở đâu?

→ Cây có hình dáng như thế nào?

→ Cây có lợi ích gì?



43. Tả ngắn về Bác Hồ (Em hãy dựa vào tranh vẽ để tả Bác Hồ).

Dàn ý tả về Bác Hồ

→ Ảnh Bác được treo ở đâu?

→ Trông Bác như thế nào (râu, tóc, vàng trán, đôi mắt...)?

→ Em muốn hứa điều gì với Bác?



44. Tả ngắn về người thân

Dàn ý tả người thân

→ Người đó là ai? Người đó có mối quan hệ như thế nào với em?

→ Hình dáng, khuôn mặt người đó như thế nào?

→ Người đó thường làm công việc gì?

→ Tình cảm của em đối với người đó ra sao?



Dạng 1: Chính tả

Bài 1. Điền “c” hoặc “k” vào chỗ trống:

- a) on đường ầu vòng éo co
- b) iên trì ính cậ ảm úm
- c) éo ủa éo ủa

Ai nhanh ai khỏe

Lại đây với tôi

éo qua éo lại
 ả hai lần ềnh.

Bài 2. Điền “l” hoặc “n” vào chỗ trống:

- a) o ắng ầu uyển
- b) ô ức óng ảy

Bài 3. Điền “uôc” hoặc “uôt” và dấu thanh vào chỗ trống để hoàn thành các thành ngữ sau:

- a) Cày sâu c bẫm.
- b) Máu chảy r mềm.



Bài 4. Em hãy khoanh tròn vào từ viết sai chính tả dưới đây:

- A. Xáng xửa. B. Xung phong. C. Xôn xao. D. Xếp hàng.

Bài 5. Điền “s” hoặc “x” vào chỗ trống:

- a) a lầy ôn ao uất bản

b) là cá mè dè cá chép

Tay nào đẹp thì đi bẻ ngô

Tay inh inh ẽ dành hoa đẹp.



Bài 6. Điền “g” hoặc “gh” vào chỗ trống:

a) à áy ế thăm

ao nếp

b) ế gỗ i chép

gập ềnh

Bài 7. Điền “đ”; “r” hoặc “gi” vào chỗ trống:

a) Nào có thấy cảnh dâu?

Mà lừng lơ một quả

Quả ính vào nơi nào?

Mà không ời mới lạ!

b) Có lẽ quả chín ồi

Lát nữa thôi sẽ ụng

Trên trái đất bao người

Đang chờ trắng ột xuống.

c) Đeo cày ừa đường.

d)Ếch ngồi đáy iếng.



e) a mỗi tóc bạc.

g) ồng đến nhà tôm.



Bài 8. Điền “ai” hoặc “ay” và dấu thanh vào chỗ trống:

a) M trường

c bừa

b tập

Bàn t 

m  và

ban m 

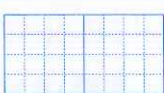
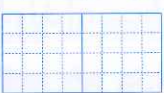
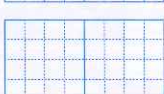
Bài 9. Điền “ch” hoặc “tr” vào chỗ trống:

a) Chúng gọi nhau,  ò chuyện,  êu gheo và
 anh cãi nhau. Ngày hội mùa xuân đây.

b) nắng vừa đậu  ên lá
Gió rung nắng rơi ngay
Em chạy vội ra nhặt
Nắng không vào bàn tay.

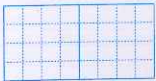
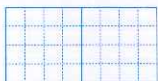


Bài 10. Điền “ng” hoặc “ngh” vào chỗ trống:

 e vẽ  e vẽ
 e vẽ nói  ược
 ưa đùa dưới nước.



Bài 11. Em hãy nhìn hình và điền từ có vần “ê” hoặc “êch”:



Bài 12. Em hãy gạch chân vào từ viết đúng chính tả trong các từ trong ngoặc dưới đây:



Dạng 2: Dấu câu

Bài 1. Điền dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong các câu dưới đây:

- Mẹ mua tặng em quần áo đồ chơi sách truyện.
- Con cái phải biết ngoan ngoãn chăm chỉ và vâng lời cha mẹ.
- Em cùng ông nhỏ cò bắt sâu cho cây vào cuối tuần.

Bài 2. Em hãy điền dấu chấm vào chỗ thích hợp để chia đoạn văn sau thành bốn câu:

Hoa đào là loài hoa của mùa xuân hoa đào có hai màu hoa đào màu đỏ gọi là bích đào, hoa màu hồng nhạt gọi là đào phai đào mang không khí mùa xuân đến với mỗi gia đình.



Bài 3. Em hãy điền dấu chấm, dấu phẩy hoặc dấu chấm hỏi vào mỗi ô trống cho thích hợp:

Sợ bản

Trong giờ học môn Tự nhiên và Xã hội ☐ Cô hỏi Tí:

- Tại sao bón phân cây cối lại xanh tốt ☐

Tí đáp:

- Thừa cô ☐ vì cây cối sợ bản ☐ nó vươn cao để tránh chỗ bản ạ.



Bài 4. Em hãy chọn dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi để điền vào ô trống:

Ông ngoại đang đi chân đất, ngó nghiêng tìm thứ gì đó trong vườn ☐ Thấy vậy, Lan ngạc nhiên:

- Ông ơi, sao ông lại đi chân đất thế ạ ☐

- Con chó vừa mới tha dép của ông ☐ Ông tìm mãi mà không thấy ☐

- Vậy ạ! Thế sao lúc nãy cháu thấy nó vẫn đi chân đất ạ ☐



Bài 5. Em hãy điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào mỗi ô trống cho thích hợp:

Trong thế giới loài chim ☐ em yêu thích nhất là chim công
Đầu chú tròn và nhỏ ☐ trên đầu có cái mào be bé ☐ Lông
chú màu xanh ☐ đỏ ☐ vàng ☐ tím rực rỡ ☐ Mỗi khi chú
múa ☐ đuôi xòe như một chiếc quạt lông lẫy ☐



Bài 6. Em hãy chọn dấu câu thích hợp để điền vào ô trống:

Chim sâu hỏi: - Bé làm gì thế ☐
Bé trả lời: - Mình đang học bài ☐
Bé lại hỏi: - Thế chim đang bay đi đâu thế ☐
Chim sâu trả lời: - Mình đi tìm rơm về làm tổ ☐



Bài 7. Em hãy điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào mỗi ô trống cho thích hợp:

Vào những ngày mùa đông lạnh cóng ☐ cả Thỏ mẹ
và Thỏ con đều khoác trên mình bộ áo lông trắng tinh.
Sang xuân ☐ chú Thỏ con vẫn mặc chiếc áo lông trắng.
Trong rừng ☐ cô Gà Gô đã thay một bộ áo hoa rất đẹp ☐
Ngay cả những anh Châu Chấu cũng thay áo mùa xuân mới ☐



Bài 8. Em hãy điền dấu câu vào mỗi ô trống cho thích hợp:

Đi được một quãng thì gặp Sóc, Sóc nhắc:
- Cô bé quàng khăn đỏ ơi ☐ lúc nãy tôi nghe mẹ cô dặn đi
đường thẳng đừng đi đường vòng cơ mà. Sao cô lại đi đường
này ☐

Cô bé không trả lời Sóc. Cô cứ đi theo đường vòng qua rừng. Vừa đi ☐ cô vừa hái
hoa, bắt bướm. Vào đến cửa rừng thì cô gặp chó sói. Con chó sói rất to đến trước
mặt cô. Nó cất giọng ồm ồm hỏi:

- Này, cô bé đi đâu thế ☐



Bài 9. Em hãy điền dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong mỗi câu sau:

a) Lớp 2A lớp 2B đều đạt danh hiệu lớp xuất sắc nhất của trường.

b) Mỗi mùa xuân sang cả gia đình tôi đều về quê thăm ông bà cô bác.

Bài 10. Em hãy điền dấu phẩy bị thiếu cho từng câu trong đoạn văn sau:

Buổi sáng từng đoàn thuyền đánh cá trở về. Thuyền nào cũng tôm cá cua ghẹ đầy khoang. Từ xa mọi người đã nhìn thấy những khuôn mặt vui tươi của những người đánh cá trên thuyền.



Bài 11. Em hãy điền dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi vào ô trống thích hợp trong mỗi câu sau:

Thỏ ngồi ngẫm nghĩ xem có cách gì để Cáo phải sợ mình không ☐ Nó liền đến gặp bác sĩ Hạc:

- Bác sĩ Hạc yêu quý, bác chuyên chữa răng cho mọi người, xin bác thay cho cháu một hàm răng mới.



Bác sĩ Hạc ngạc nhiên:

- Sao thế? Răng của cháu vẫn còn rất tốt mà ☐

- Tuy răng của cháu không bị hỏng, nhưng mà nó quá nhỏ. Bác lắp cho cháu một hàm răng giống như của Sư tử ấy.

- Nhưng cháu muốn có hàm răng giống như của Sư tử để làm gì vậy ☐

- Cháu muốn Cáo phải sợ cháu ☐

Bài 12. Đặt dấu chấm hay dấu chấm hỏi, dấu chấm than vào ô trống:

Cậu ta cầm bột gạo nếp và đi đến cửa hàng ☐ Cậu ta ngồi ở cửa suốt cả một ngày, cuối cùng ông chủ tiệm hỏi:

- Này cậu bé, cậu cho tôi chỗ bột nếp ấy nhé ☐

- Chỗ bột này là cả gia tài của cháu, cháu không thể cho ông trừ khi ông đổi cho cháu một thứ gì đó ☐

- Thế cậu bán cho tôi được không ☐

- Không, cháu cũng không bán ☐ Nhưng nếu ông cho cháu cái ấm kia thì cháu sẽ cho ông chỗ bột này ☐





Dạng 3: Kiểu câu

Phần bài tập dành cho bộ sách CÁNH DIỀU, CHÂN TRỜI SÁNG TẠO:

Bài 1. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước những câu kiểu “Ai là gì?”:

- a) Lan là một người chị rất thương em. b) Lan rất thương yêu em bé.
c) Em xếp sách vở gọn gàng. d) Sách vở là bạn thân thiết của em.

Bài 2. Câu “Em bé ở nhà ngoan lắm!” được viết theo dạng câu nào?

- a) Ai là gì? b) Ai làm gì? c) Ai thế nào?

Bài 3. Em hãy gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Ai?” trong các câu sau:

- a) Bà em ngồi đan quạt.
b) Bố em là bộ đội.
c) Chú Chiến là em trai của bố em, chú làm công nhân trong nhà máy.



Bài 4. Em hãy nối từ trong vòng tròn với cụm từ thích hợp ở bên phải để tạo thành kiểu câu “Ai (cái gì, con gì) là gì?”



Kiến lửa

- a) là loại kiến nhỏ, màu vàng đỏ, đốt đau.
b) rất hung hăng.
b) đi hàng đàn dưới bờ cỏ.

Bài 5. Em hãy nối ô bên trái với ô bên phải để tạo thành câu kiểu “Ai làm gì?”



Mấy chú gà trống

đâm chồi nảy lộc.



Bố mẹ tôi

boi lội tung tăng dưới ao.



Cây cối trong vườn

đã gáy ran khắp xóm.



Đàn cá đuôi cờ

đi làm từ sáng sớm.

Bài 6. Em hãy gạch một gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi “Ai? (cái gì, con gì)?”. Gạch hai gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi làm gì?

- Chú chó ngồi trước cổng chờ chủ về.
- Cả lớp quyên góp đồ dùng học tập cho các bạn vùng núi xa xôi.
- Trường Tiểu học Ban Mai tổ chức Chợ quê rất vui.



Bài 7. Em hãy gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Thế nào?” trong các câu sau:

Chú gà trống nhà em đẹp làm sao! Bộ lông của chú vàng óng, mượt như tơ. Cái mỏ của chú đỏ chót. Cái mỏ như một quả ớt vàng cong cong.



Bài 8. Em hãy điền vào bảng các bộ phận của kiểu câu “Ai thế nào?”
trong từng câu sau:

- a) Bác bảo vệ đóng cánh cổng trường nhẹ nhàng.
- b) Sân trường tỏa đầy nắng ấm.
- c) Lông chú mèo vàng thẫm như màu rơm mới.



Câu	Ai?	Thế nào?
a		
b		
c		

Bài 9. Em hãy đặt câu kiểu “Ai (cái gì, con gì) thế nào?” Để tả các con vật sau đây:

Mẫu: Chú nai nhỏ thật ngộ nghĩnh.

- a) Tả con ong:



a) kéo co



A colorful illustration of six children playing a game on a large grid background. The children are arranged in two rows of three. The front row consists of a boy in a yellow shirt and purple pants, a girl in a pink shirt and blue pants, and a boy in a blue shirt and purple pants. The back row consists of a girl in a red shirt and blue pants, a boy in a blue shirt and purple pants, and a girl in a pink shirt and blue pants. They are all holding red ribbons that are attached to a central point on the grid. The children are smiling and appear to be enjoying the game.

A cartoon illustration of a young girl with red hair in pigtails, wearing a yellow shirt and blue pants, jumping rope. She is positioned on the right side of the page, with the rope forming a loop around her legs.

a) Bạn Lan là học sinh chăm chỉ.

b) Ban Lan rất chăm chỉ.

a) Bầu trời là bạn của các vì sao.

b) Bầu trời lấp lánh ánh sao.

a) Giới thiệu về bản thân em.

A blank sheet of graph paper with a light blue background and a white grid pattern. The grid consists of small squares, typical of standard graph paper used for mathematics or engineering.[illegible]

Bài 17. Viết 1 câu nêu hoạt động phù hợp với nội dung tranh:

[illegible][illegible]

Bài 18. Viết 1 câu nêu đặc điểm:

a) Nói về tình cảm cha mẹ dành cho con cái.

A blank sheet of graph paper with a light blue background and a grid of small squares. The grid consists of 20 columns and 10 rows. There are two horizontal lines near the top and bottom edges, creating margins. The grid is composed of solid blue lines forming the outer boundaries and dashed blue lines forming the inner grid squares.

b) Nói về tình cảm con cái dành cho cha mẹ.

Bài 19. Đặt 1 câu nói về nội dung mỗi tranh:



Bài 20. Viết câu nêu hoạt động phù hợp với bức tranh:



Bài 21. Đặt 3 câu nêu hoạt động của mọi người vào ngày Tết:



Grid for writing answers to Bài 21.

Bài 22. Nói:

Câu giới thiệu

Hoa rủ em đi học mỗi ngày.

Câu nêu đặc điểm

Đứa trẻ rất thông minh, nhanh nhẹn.

Câu nêu hoạt động

Nhà là nơi có tình yêu thương.

Bài 23. Đặt 1 câu nêu hoạt động hoặc câu nêu đặc điểm với các từ cho trước:

a) bắt sâu

[illegible]

b) Đôi tai thỏ



Bài 24. Viết 1 câu nêu đặc điểm của mỗi người, mỗi vật trong hình:

[illegible]

Bài 25. Em hãy gạch chân dưới câu nêu đặc điểm có trong đoạn văn sau:

Chú trống choai đang ngất ngưỡng trên đồng củi trước sân. Bây giờ đuôi chú đã có dáng cong cong chứ không đuồn đuột như hồi nhỏ nữa. Bộ cánh cũng có duyên lắm rồi. Đôi cánh chưa được cứng cáp, nhưng cũng đủ sức giúp chú phốc một cái nhảy tót lên đồng củi gành gành hơn trước nhiều.



Bài 26. Viết 1 câu:

Nêu hoạt động của em thường làm vào đêm Giao thừa.

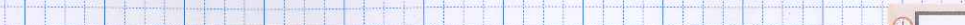
[illegible]

Bài 27. Viết 1 câu nêu hoạt động của:

a) Học sinh trong giờ ra chơi



b) Cô giáo trong lớp học.



Bài 28. Đặt 1 câu nêu hoạt động của mỗi người trong tranh:

[illegible][illegible][illegible]

Bài 29. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu nêu đặc điểm:

- a) Đồ đặc là những người bạn của mỗi gia đình.
- b) Gia đình em rất quý trọng đồ đặc.
- c) Bố em đang sửa quạt.

Bài 4. Em hãy đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm trong các câu sau:

a) Khi mùa xuân đến, hoa đào nở.

b) Khi chim én về, mùa xuân sẽ gõ cửa từng nhà.



c) Em thường theo mẹ đi lễ chùa vào tháng Giêng.



d) Chúng em sẽ được đi tham quan **khi kết thúc năm học.**



Phần bài tập chung dành chung cho cả 3 bộ sách.

Bài 5. Em hãy gạch dưới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi “Để làm gì?” trong các câu dưới đây:

Người trên thuyền vớt trái ăn thấy ngon, liền tìm tới đổi hàng hóa, vải, gạo để lấy những trái đó đem đi các nơi bán.



Bài 6. Em hãy đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm trong các câu sau:

a) Từ dưới gốc tre mẹ, nhiều cây tre con mọc lên.

b) Một hòn đá to chặn ở trên đầu Măng Non.

[illegible]

Bài 7. Em hãy đặt câu hỏi có cụm từ “Ở đâu?” cho mỗi câu sau:

a) Chim cánh cụt đang nô đùa trên những tảng băng lớn.

[illegible]

b) Chim hải âu sải cánh lượn bay trên biển rộng.

A blank handwriting practice sheet with a grid of blue lines. On the right side, there is a cartoon duck character with a yellow beak and orange feet, standing on the bottom line. The sheet is designed for practicing letter formation on primary-ruled paper.

c) Những chú chim sơn ca thi nhau hát trong vườn.

[illegible]

d) Sách vở là bạn thân thiết của em ở trường.

[illegible]

Bài 8. Em hãy đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm trong các câu sau:

a) Để cơ thể khỏe mạnh, em thường xuyên tập thể dục mỗi sáng.

[illegible]

b) Em tưới nước cho cây để cây nhanh lớn.



Bài 9. Em hãy gạch dưới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi “Để làm gì?”

trong các câu dưới đây:

Quả na nở biêt bao nhiêu là mắt để ngắm nhìn mảnh đất sinh trường, để thấy hết họ hàng, để nhận biết từng chùm lấp lánh treo từ ngọn cây rơi xuống mặt đất.



Bài 10. Em hãy viết câu trả lời cho những câu hỏi sau:

a) Cò thường kiếm ăn ở đâu?



b) Lạc đà chuyên sống ở đâu?



c) Chim cánh cụt sinh sống ở đâu?



Bài 11. Em hãy đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm trong các câu sau:

a) Bố trồng hàng râm bụt **làm hàng rào** cho vườn cây của nhà.

b) Môi trường ngày một trong sạch hơn vì có cây xanh **trao đổi không khí**.

c) Vào vụ mùa, các bác nông dân thường ra đồng **để thu hoạch lúa**.

d) Các bác nông dân cấy lúa **để làm ra thóc gạo**.

Bài 12. Em hãy viết câu trả lời cho những câu hỏi sau:

a) Bác sĩ làm việc ở đâu?



b) Các bác nông dân cấy lúa ở đâu?



c) Các thầy cô giáo dạy học ở đâu?





Dạng 5: Từ loại

Bài 1. Em hãy tìm và gạch dưới những từ chỉ hoạt động trong những câu dưới đây:

- Chúng em chăm chú nghe cô giảng bài.
- Học sinh nhảy dây ở sân trường.
- Mẹ tặng em một chú gấu bông nhân dịp sinh nhật.
- Cả lớp hát đồng thanh.

Bài 2. Em hãy nối từ chỉ sự vật ở cột A với từ chỉ hoạt động thích hợp ở cột B:

A



mặt trời



mây



gió



chim

B

thổi

hót

trôi

tỏa ánh nắng

Bài 3. Em hãy gạch dưới 4 từ ngữ chỉ sự vật trong đoạn văn sau:

Nắng mềm như lụa

Chú gà trống đỏ

Thất nơ cái đầu

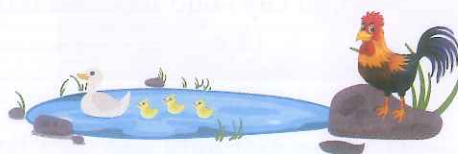
Kiểm ăn quanh vườn

Gió hiền đang hát

Đàn vịt vàng ươm

Vi vút tầng không.

Bơi ngoài ao rộng.



Từ chỉ sự vật	Từ chỉ đặc điểm của sự vật
nắng	
gió	
chú gà trống	
đàn vịt	

Bài 4. Em hãy gạch chân vào các từ chỉ đặc điểm có trong đoạn văn sau:

Mùa xuân, trên những cành cây mọc đầy lá non xanh biếc. Hoa chanh, hoa bưởi hương thơm ngát. Những cánh hoa trắng muốt rắc đầy sân. Mùa xuân, tiết trời âm ập. Những cây rau trong vườn mơn mớn vươn lên đón ánh nắng tươi ấm của mặt trời.



Bài 5. Tô màu vào từ ngữ chỉ tình cảm tốt đẹp anh chị em dành cho nhau:



Bài 6. Em hãy điền từ chỉ hoạt động vào từng chỗ trống cho thích hợp:

- a) Di chuyển bằng chân từ chỗ này sang chỗ khác gọi là:**

[illegible]

- b)** Dùng kéo làm cho vật đứt rời ra gọi là:



- c) (Mầm cây) nhô lên, nhú lên gọi là:

[illegible]

- d) Nhắm mắt nghỉ ngơi gọi là:**

[illegible]

Bài 7. Em hãy tìm 4 từ ngữ chỉ sự vật trong đoạn văn sau và viết lại vào chỗ trống:

Tôi thích nhất là được cùng mẹ ra thăm đồng vào buổi sớm mai. Khi ấy, những ánh nắng đầu tiên của ngày mới rọi xuống cánh đồng, làm bừng sáng cả không gian. Sương lúc này vẫn còn đọng trên từng ngọn cây, lá cỏ.



Bài 8. Em hãy tìm và ghi lại 4 từ ngữ chỉ hoạt động của con người trong đoạn văn:

Chú thợ xây bắt tay vào công việc quen thuộc hàng ngày. Chú cúi xuống xúc vữa, trải một lớp lên hàng gạch đã xây. Đôi bàn tay dính đầy vữa cẩn thận xếp từng viên gạch lên nhau. Thỉnh thoảng, chú lấy lưới bay chặt bớt viên gạch cho vừa khít với khe hở. Chú dùng cán bay gõ nhẹ nhiều lần để gạch được thẳng và gắn chặt vào nhau.



Bài 9. Em hãy đọc đoạn văn sau rồi tìm 3 từ ngữ chỉ sự vật, 3 từ ngữ chỉ hoạt động điền vào cột thích hợp trong bảng sau:

Thỏ bị Chó rượt đến lúc không làm sao trốn đi đâu được nữa. Bỗng Thỏ thấy Bò già đang đứng gặm cỏ ven đường, Thỏ liền vừa chạy vừa kêu cứu trong khi Chó Xồm cũng vừa xồ đến. Bò bèn đứng chắn ngang đường, lớn giọng “phì phì” một cách hung hăng khiến Chó sợ quá cụp đuôi bỏ chạy.



Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ hoạt động

Bài 16. Nối.

đọc sách

nghe giảng

quét nhà

tập viết



nhặt rau

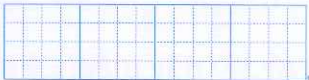
học hát

tập đọc

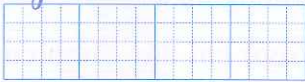
lau bàn

Bài 17. Chọn từ ngữ chỉ đặc điểm thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau.

chăm ngoan, đẹp, hay

a) Bạn Chi lớp em hát rất .

b) Bạn có thể vẽ những bức tranh rất .

c) Lúc nào bạn cũng  nhất lớp.

Bài 18. Xếp các từ sau vào ô thích hợp:

giơ tay, giảng bài, điểm danh, xếp hàng, chấm bài, phát biểu, soạn giáo án, viết bài

Các từ chỉ hoạt động của học sinh	Các từ chỉ hoạt động của giáo viên
	

Bài 19. Gạch dưới từ chỉ đặc điểm có trong khổ thơ sau:

Lá sen xanh mát

Động hạt sương đêm

Gió rung êm đềm

Sương long lanh chạy.



Bài 20. Gạch dưới từ chỉ sự vật có trong câu sau:

Sơn xóc lại mảnh vải nhựa rồi từ trên hè lao xuống sân, ra công giữa những hạt mưa đang thi nhau tuôn rơi.

Bài 21. Nối từ ngữ chỉ sự vật với từ ngữ chỉ đặc điểm cho phù hợp:

Từ ngữ chỉ sự vật

Từ ngữ chỉ đặc điểm



Mái tóc bà

ứng hồng.

Đôi mắt

long lanh.

Hai má

bạc trắng.

Bài 22. Gạch dưới từ chỉ đặc điểm có trong câu sau:

Trang sách có độ sâu

Mà giấy không hề ướt.



Bài 23. Gạch dưới những từ ngữ chỉ đặc điểm của con người trong các từ sau:

kiêm tốn, diu dàng, sản xuất, thông minh, phát biểu, chăm sóc, cần cù

Bài 24. Viết từ ngữ thể hiện:

a) Tình cảm của ông bà dành cho cháu.

b) Tình cảm của cháu dành cho ông bà.



Bài 25. Gạch dưới từ chỉ sự vật có trong khổ thơ sau:

Bên này là núi uy nghiêm

Bên kia là cánh đồng liền chân mây

Xóm làng xanh mát bóng cây

Sông xa trắng cánh bướm bay lưng trời.

(Trần Đăng Khoa)





Dạng 6: Mở rộng vốn từ

Bài 1. Em hãy thực hiện theo yêu cầu đề bài:

a) Em hãy gạch chân hai từ không thuộc nhóm trong dãy từ sau:

trường học, học tập, ngôi nhà, sách vở, lớp học, bàn ghế, học sinh, ông bà, thầy cô.

b) Em hãy đặt tên cho nhóm từ chứa hai từ vừa gạch chân ở câu a:

A large grid of graph paper with a blue border and a dashed horizontal line across the middle. The grid is composed of 20 columns and 10 rows. The top 5 rows are on one side of the dashed line, and the bottom 5 rows are on the other side. The dashed line is made of small blue dashes.

Bài 2. Em hãy nói tên các loài chim với cách đặt tên cho thích hợp:

Tên các loài chim

bói cá, gõ kiến, chim sâu

tu hú, cuốc, quạ, chim chích, chim cu

chim cánh cụt, cú mèo, chim gà nước

Cách đặt tên

Đặt tên theo hình dáng

Đặt tên theo tiếng kêu

Đặt tên theo cách kiểm ăn

Bài 3. Những từ nào thuộc nhóm từ nói về tình cảm yêu thương giữa anh chị em? Em hãy khoanh vào chữ cái trước từ đó:

a. yêu thương

b. nhường nhịn

c. hiệu thảo

d. đoàn kết

e. phụng dưỡng

g. đùm bọc

h. hòa thuận

i. dũng cảm

k. giúp đỡ



Bài 4. Em hãy gạch dưới một từ không cùng nhóm trong mỗi dãy từ sau:

a) thức dậy, đánh răng, rửa mặt, tập thể dục, quét nhà, sách vở, ăn sáng, đi học.

b) xếp hàng, vào lớp, điểm danh, phát biểu, hung hăng, thảo luận, lên bảng, ra chơi.

c) nhặt rau, tắm rửa, chăm chỉ, dọn cơm, rửa bát, xem ti vi, học bài.

Bài 5. Em hãy kể tên 3 đồ dùng học tập của em và cho biết em dùng chúng để làm gì?

Số thứ tự	Tên đồ dùng	Tác dụng
1		
2		
3		

Bài 6. Em hãy nối từ ngữ ở cột A với lời giải nghĩa thích hợp ở cột B:

A

B

1. Lành nghề

a. Có khả năng làm tốt những việc đòi hỏi sự khéo léo, tinh tế của đôi tay.

2. Khéo tay

b. Có khả năng giải quyết nhanh, khéo léo nhiều việc, nhất là những công việc khó.

3. Cần cù

c. Rất thành thạo về nghề, rất giỏi tay nghề.

4. Tháo vát

d. Chăm chỉ, chịu khó một cách miệt mài.

Bài 7. Em hãy khoanh tròn vào những chữ cái trước tiếng có thể ghép với “biển” để tạo thành từ có nghĩa:

a. tôm

b. tàu

c. cá

d. đòi

e. suối

g. nước

h. sóng

i. khơi

k. hải



Bài 8. Em hãy gạch dưới từ chỉ người trong gia đình, họ hàng trong những đoạn sau:

- a) Chim ri là dì sáo sậu
Sáo sậu là cậu sáo đen
Sáo đen là em tu hú
Tu hú là chú bồ câu
Bồ câu là bác chim ri.



b) Nghỉ hè, Linh được bố cho về thăm quê. Ở quê, ngoài ông bà nội còn có nhiều cô, chú, bác. Chỉ cần thấy bố con Linh về là mọi người sẽ kéo sang nhà hỏi thăm ríu rít. Ai cũng chân tình, mộc mạc. Linh thích được sang nhà bác Dĩnh, là anh họ của bố để nghe bác kể chuyện chiến đấu ở miền Nam.

Bài 9. Em hãy điền từ thích hợp vào chỗ trống:

- a) Cây cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp như bông, chè, cói, cao su, cà phê,...

→ gọi là cây

- b) Cây dùng làm thuốc chữa bệnh như: ngải cứu, bạc hà, quế, hồi, cam thảo,...

→ gọi là cây

- c) Cây được uốn, tía, trang trí, làm cảnh như: vạn tuế, mai tứ quý,...

→ gọi là cây

Bài 10. Em hãy nối từ chỉ người ở cột A với công việc tương ứng ở cột B:

A

1. Thi sĩ

2. Kiến trúc sư

3. Họa sĩ

4. Giáo viên

5. Bác sĩ

B

a. Dạy học.

b. Điều trị cho bệnh nhân.

c. Sáng tác thơ.

d. Thiết kế các công trình xây dựng.

e. Vẽ tranh.

Bài 14. Gạch dưới những từ ngữ không phù hợp với đặc điểm mỗi mùa.

- a) Mùa xuân: ẩm áp, nắng ấm, rét buốt, cây cối tốt tươi, mưa xuân.
- b) Mùa hạ: oi ả, oi bức, oi nồng, gió heo may, nắng chói chang, mưa rào.
- c) Mùa thu: mưa phùn, se se lạnh, gió heo may, lạnh giá.
- d) Mùa đông: lạnh giá, rét mướt, rét căm căm, gió bắc, nắng ấm.

Bài 15. Viết từ ngữ chỉ hoạt động thể thao phù hợp với nội dung hình vẽ:

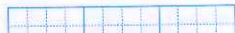
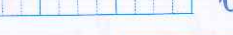
A blank grid for drawing a picture, consisting of 10 columns and 5 rows of squares.This is a blank sheet of primary-ruled paper. It features a grid of squares defined by solid blue vertical lines. Each square contains a horizontal dashed line, creating three rows per column. The entire sheet is enclosed in a blue border.A blank sheet of graph paper with a grid pattern. The grid consists of 10 columns and 6 rows of squares. The lines are thin and light gray, while the outer border is a slightly thicker blue line. There are no markings or text on the page.

Bài 16. Gạch dưới tên những món ăn có trong đoạn văn sau:

Bạn Hương góp mứt dừa làm cùng bà nội. Mỗi bạn một món, đủ thứ. Đã có bánh da lợn ướt, lại có bánh lố tai heo khô cong, giòn rụm. Đã có hạt dừa nhỏ bằng móng ngón tay út son son, lại có bánh phồng khoai to, tròn vo.

Bài 17. Chọn và điền từ còn thiếu vào ô trống để có tên của các trò chơi dân gian:

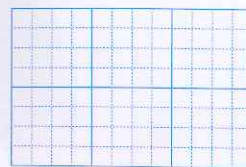
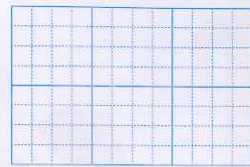
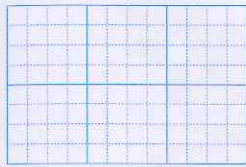
cá sấu, rắn, đĩa, nụ, dê

- a) Chả  ba ba. b) Rồng  lên mây.
- c) Bịt mắt bắt . d)  lên bờ.
- e) Chồng  chồng hoa.

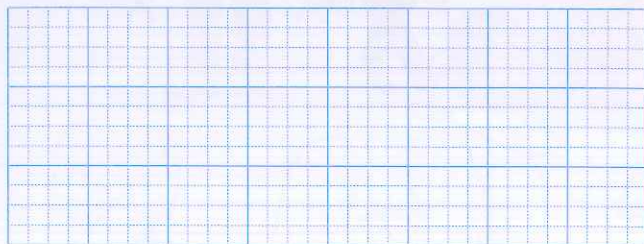
Bài 18. Gạch chân những từ ngữ không thuộc nhóm mỗi dãy từ sau:

- a) bảng con, phấn, tẩy, cặp sách, bút chì, thước kẻ, keo dán, cái xô.
b) mây, gió, nóng, trăng, sao, bầu trời.

Bài 19. Ghi tên các món ăn đặc sản vùng miền ở Việt Nam.



Bài 20. Quan sát tranh và ghi lại 5 từ chỉ nghề nghiệp mà em quan sát được:



Bài 21. Gạch dưới những từ chỉ người trong họ nội.

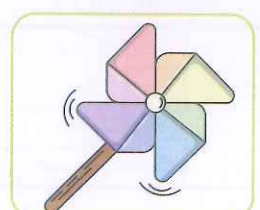
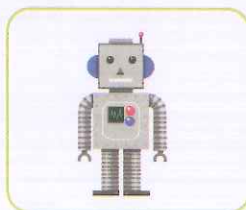
ông nội, bác, cậu, mợ, chú, thím, dì, cô, bà nội.

Bài 22. Gạch dưới những từ chỉ người trong họ ngoại.

ông ngoại, bác, cậu, mợ, chú, thím, dì, cô, bà ngoại.



Bài 23. Viết từ ngữ chỉ đặc điểm ở hàng dưới phù hợp với mỗi đồ chơi ở hàng trên:

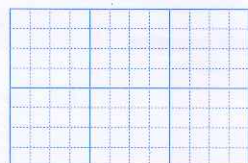
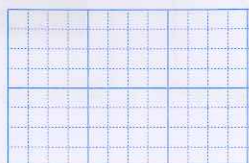
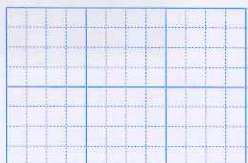


Bài 24. Tìm và gạch chân dưới từ ngữ thuộc chủ điểm Bác Hồ dưới đây:

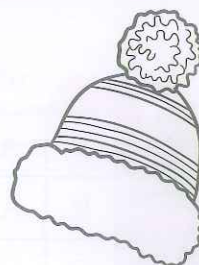
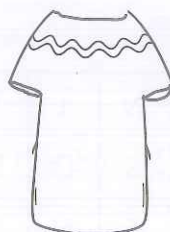
công nhân, nông dân, bộ đội, nhà sàn, ao cá, chòm râu, mái tóc bạc,
vàng trán cao, đôi mắt sáng, đôi dép cao su, nhà máy, bệnh viện, trường
học, cây vú sữa, quần áo ka-ki, đơn sơ, giản dị, đậm bạc, hiền hậu.



Bài 28. Viết từ ngữ chỉ hoạt động ngày Tết có trong tranh:



Bài 29. Tô màu vào hình ảnh của đồ vật mọi người cần sử dụng vào mùa đông:



Bài 30. Nối:



Cây lương thực



Cây ăn quả



Cây bóng mát



Cây làm thuốc

cây ổi

ngải cứu

diếp cá

cây táo

cây lúa

cây ngô

cây khoai

cây xà cừ

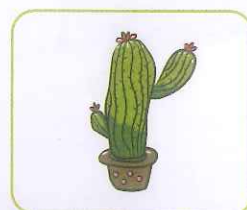
rau má

cây sắn

cây dừa

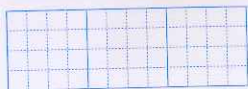
phượng vĩ

Bài 31. Viết từ ngữ chỉ cây cối dưới mỗi hình:





Bài 32. Viết tên các phương tiện dùng để giao tiếp, kết nối:



Bài 33. Tìm và khoanh vào 11 từ ngữ chỉ tên các con vật có trong ô chữ:



V	A	B	N	T	Y	B	Y	H	I	Ô
R	Ă	N	S	Q	Ê	Á	K	L	E	N
D	O	U	K	N	S	O	B	Ư	V	L
S	K	D	A	S	E	Q	Y	C	U	Ừ
G	À	H	Ô	Ứ	B	V	O	I	L	A
Ă	O	Ư	U	A	N	Á	U	K	N	V
K	Q	Ơ	D	V	C	N	S	Q	D	S
M	A	U	A	S	K	D	Á	Ô	T	X
X	K	N	Ư	Ô	D	Ê	O	N	R	I
G	Á	U	C	Q	Y	C	Q	L	E	Ơ



Bài 34. Em hãy viết từ ngữ chỉ đặc điểm nổi bật của mỗi con vật trong hình:





Dạng 7: Lời đáp

Bài 1. Em hãy viết lời đáp trong những trường hợp sau:

a) Mãi nô đùa cùng các bạn, Nam vô tình huých vào người Thắng, làm Thắng ngã.

- Nam: Tớ xin lỗi, tớ mãi đùa nên không để ý bạn đang đứng đấy!

- Thắng:



b) Bố đi công tác và hứa với Minh là sẽ mua ô tô điều khiển cho Minh nhưng bố đã không kịp mua.

- Bố Minh: Bố xin lỗi, vì bố bận quá nên đã thất hứa với con!

- Minh:



Bài 2. Em hãy viết lời đáp cho những tình huống sau:

a) - Nam: Quyền truyện cậu đang cầm có phải của tớ không?

- Việt: Không, đây là truyện tớ mượn của bạn Nhung.

- Nam:



b) - Hà: Anh ơi, anh giảng giúp em bài toán này nhé!

- Thắng: Không được, anh phải đi học bây giờ!

- Hà:



Bài 3. Theo em, bạn Mạnh nên nói thế nào trong những tình huống sau:

a) - Nam: Hoan hô Mạnh! Hôm nay cậu thật giỏi, cậu được tận hai điểm mười!



- Mạnh:

b) - Bác hàng xóm: Mạnh ơi, sang năm cháu lên lớp 3 rồi. Bác chúc cháu học thật giỏi nhé!



- Mạnh:

Bài 4. Em hãy viết lời đáp trong những tình huống sau:

a) - Mẹ khen em: Con à, mẹ đi họp phụ huynh về, cô giáo khen con dạo này chăm học hơn trước nhiều. Con của mẹ thật là ngoan!



- Em đáp:

b) - Bạn khen em: Dạo này cậu được nhiều điểm cao thế! Cậu thật giỏi.

- Em đáp:



Bài 5. Em sẽ nói gì trong những tình huống sau:

a) Em mượn bạn Quý quyển truyện nhưng Quý nói: “Tớ cho bạn Mạnh mượn trước mất rồi! Bao giờ bạn Mạnh đọc xong, bạn ấy trả, tớ sẽ cho bạn mượn nhé!”.



- Em đáp:

b) Mẹ làm cho em cái bánh, nhưng em lỡ tay làm rơi. Mẹ nói:

Đừng buồn, con trai của mẹ à! Mẹ sẽ làm cho con cái bánh khác

- Em đáp:



Bài 6. Bố mẹ em đi vắng. Điện thoại nhà em đổ chuông, em nhắc máy nghe, người ở đầu dây bên kia nói muốn gặp bố hoặc mẹ em, em sẽ trả lời thế nào?

[illegible]

Bài 7. Bạn Cúc mới bị lạc chú chó mà bố mua tặng bạn vào hồi sinh nhật lần thứ 8 của bạn. Khi gặp Cúc, em sẽ nói gì với bạn ấy?

Handwriting Practice



Bài 8. Bạn Hoa nhờ em cắm hoa giúp bạn trong buổi thực hành ở trên lớp. Nhưng em đã hứa sẽ cắm hoa với bạn Lan. Em sẽ nói gì với bạn Hoa?

[illegible]

Bài 9. Em muốn nhờ mẹ khi mẹ đi làm về mua giúp em một chiếc bút chì. Em sẽ nói gì với mẹ?

[illegible]



Dạng 8: Tập làm văn

Bài 1. Em hãy tìm đọc mục lục sách giáo khoa Tiếng Việt và ghi lại vào bảng sau:

[illegible]

Bài 2. Em hãy điền vào bảng sau đây tên các bạn ở tổ em:

[illegible]

Bài 3. Em hãy lập thời gian biểu buổi sáng Chủ Nhật của em:



Thời gian	Công việc

Bài 4. Em hãy viết lại một số điều mẹ hoặc người thân trong gia đình dặn dò em trước khi em đến trường:



Bài 5. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 3 – 4 câu) giới thiệu về bản thân em:



Bài 6. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 4 – 5 câu) kể về gia đình em:



Bài 7. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 4 – 5 câu) kể về anh (chị) hoặc em của em:



A full-page view of a blank sheet of graph paper. The paper features a uniform grid of small squares defined by thin blue lines. The grid covers the entire surface of the page, which has a slightly off-white or light cream color. There are no margins, text, or other markings on the paper.

Bài 8. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 4 – 5 câu) kể về con vật nuôi trong nhà em:

A large grid of graph paper with a blue border and a dashed line for writing. In the bottom right corner, there is a cartoon illustration of two children and a cat.

Bài 9. Em hãy viết một đoạn văn (từ 4 – 5 câu) tả về một mùa mà em thích nhất trong năm:

A large sheet of blue-lined paper with a grid pattern, designed for writing. The grid consists of 20 columns and 10 rows. In the bottom right corner, there is a small illustration of two children playing in the snow, building a snowman.

Bài 10. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 4 – 5 câu) tả về một đồ chơi hình một loài chim mà em yêu thích:



Bài 11. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 4 – 5 câu) tả về một loài cây mà em thích nhất:



Bài 12. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 4 – 5 câu) tả về công việc của một người mà em yêu quý nhất trong gia đình:



Bài 13. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 4 – 5 câu) tả về Bác Hồ qua ảnh em đã được nhìn thấy:



Bài 14. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 4 – 5 câu) tả về một cảnh đẹp ở biển mà em đã được đến hoặc biết qua sách báo, tranh ảnh, truyền hình,...



Bài 15. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 4 – 5 câu) kể về một câu chuyện em đã được nghe thầy (cô giáo) kể trong chương trình học Lớp 2:



Bài 16. Em hãy viết 3-5 câu giới thiệu tranh ảnh về một con vật mà em yêu thích.

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The paper features a uniform grid of small squares defined by thin blue lines. The grid covers the entire surface of the page, which has a light cream or off-white background. There are no margins, text, or other markings on the paper.

Bài 17. Em hãy viết 3-5 câu tả một đồ vật em cần dùng để tránh nắng hoặc tránh mưa.

This image shows a full page of blank graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.

Bài 18. Em hãy viết 4-5 câu kể về một buổi đi chơi cùng người thân (hoặc thầy cô, bạn bè):

This image shows a full page of blank graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.

Đề khảo sát đầu năm số 1



I. ĐỌC THẦM VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI (10 điểm)

Con đường của bé

Đường của chú phi công

Lặn trong mây cao tít

Khắp những vùng trời xanh

Những vì sao chi chít.

Còn con đường của bố

Đi trên giàn giáo cao

Những khung sắt nối nhau

Dựng nên bao nhà mới.

Đường của chú hải quân

Mênh mông trên biển cả

Tới những vùng đảo xa

Và những bờ bến lạ.

Và con đường của mẹ

Là ở trên cánh đồng

Cỏ ruộng dâu xanh tốt

Thảm lúa vàng ngát hương.

Con đường làm bằng sắt

Là của bác lái tàu

Chạy dài theo đất nước

Đi song hành bên nhau.

Bà bảo đường của bé

Chỉ đi đến trường thôi

Bé tìm mỗi sớm mai

Con đường trên trang sách.

(Thanh Thảo)



Dựa vào nội dung bài đọc trên, khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất hoặc làm theo yêu cầu của mỗi câu hỏi.

Câu 1. Hình ảnh những con đường của mỗi người trong 5 khổ thơ đầu rất khác nhau, điều đó nhằm nói lên điều gì? (1 điểm)

- A. Quê hương, đất nước nơi nào cũng đẹp.
- B. Mỗi người có những công việc, nghề nghiệp khác nhau.
- C. Chúng ta có thể di chuyển bằng nhiều phương tiện khác nhau.
- D. Mỗi người sinh ra chỉ được làm một nghề.

Câu 2. Lời của bà trong khổ thơ cuối có ý nghĩa gì? (1 điểm)

- A. Công việc của bé là đến trường học tập.
- B. Trong trang sách của bé có hình vẽ con đường.
- C. Mỗi sớm mai bé sẽ tìm thấy một con đường.
- D. Công việc của bé là đến trường học tập, con đường bé đi là con đường tri thức trên mỗi trang sách bé học hằng ngày.



Câu 3. Bài thơ muốn nhắn nhủ với em điều gì? (1 điểm)

- A.** Em có thể chọn nhiều công việc để làm.
- B.** Em cần trân trọng công việc của những người khác.
- C.** Mỗi người đều có công việc riêng và cần làm tốt việc của mình.
- D.** Em chỉ cần đi học.

Câu 4. Lớn lên, em muốn làm nghề gì? Vì sao em muốn làm nghề đó? (2,5 điểm)

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of light blue horizontal and vertical lines forming small squares. There are 20 columns and 15 rows of squares. A thicker blue border runs along the top edge of the page.

Câu 5. Em hãy gạch dưới từ không chỉ nghề nghiệp trong mỗi dãy từ sau: (2 điểm)

- thợ nề, thợ xây, xây nhà, thợ khóa, giáo viên.
- đầu bếp, lao công, nghệ sĩ, nhà thơ, anh hùng.
- diễn viên, đạo diễn, ca sĩ, anh dũng, phi công.
- cần cù, thợ may, thợ thủ công, nhà văn, bác sĩ.



Câu 6. Dựa vào nội dung bài thơ, em hãy điền vào bảng sau: (2,5 điểm)

Từ chỉ người	Từ chỉ hoạt động
Phi công	
Hải quân	
Chú lái tàu	
Người nông dân	
Người công nhân	

Câu 1. Chính tả (Tập chép): (4 điểm)

Đàn bê của anh Hồ Giáo

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.

Câu 2. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 4 – 5 câu) kể về một người mà em yêu quý nhất trong gia đình của mình. (6 điểm)

This image shows a full page of blank graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.



I. ĐỌC THÀM VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI (10 điểm)

Tại sao cá sống dưới nước?

Cá ơi lên bờ đi	Bạn thở bằng lá phổi
Ở trên này vui lắm!	Còn tớ thở bằng mang
Có vườn hoa tươi thắm	Mang sẽ hỏng rất nhanh
Bãi cỏ non xanh rờn.	Nếu thiếu dòng nước mát.



Bạn ơi, xin cảm ơn	Cỏ trên bờ xanh ngát
Tớ không lên đây được	Dưới nước có rong rêu
Cá sống đời sông nước	Tớ yêu quê hương nhiều
Lên bờ, chết mất thôi.	Nơi biển, hồ, sông, suối...

(Trần Bích Nga)

Dựa vào nội dung bài đọc trên, khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất hoặc làm theo yêu cầu của mỗi câu hỏi.

Câu 1. Vì sao người bạn rủ cá lên bờ chơi? (0,5 điểm)

- A. Vì trên bờ vui và có nhiều cảnh đẹp. B. Vì trên bờ có nhiều bạn bè chơi vui.
C. Vì trên bờ có nhiều món ngon. D. Vì trên bờ nhiều cá.

Câu 2. Vì sao cá không nhận lời lên bờ chơi? (0,5 điểm)

- A. Vì cá không có chân nên không đi được trên bờ.
B. Vì cá chỉ sống được ở dưới nước, nếu lên bờ thiếu nước cá sẽ chết.
C. Vì cá cho rằng phong cảnh ở dưới nước đẹp hơn phong cảnh ở trên bờ.
D. Vì cá sợ con người nên không dám lên bờ.

Câu 3. Khổ thơ cuối bài thơ cho em biết điều gì? (1 điểm)

- A. Trên bờ và dưới biển đều giống nhau.
B. Cả bạn nhỏ và chú cá đều thích biển.
C. Cá yêu biển nhiều như con người yêu mặt đất.



D. Cá không thích mặt đất và bạn nhỏ cũng không yêu thích biển.

Câu 4. Em có yêu làng quê (hoặc vùng đồi núi, vùng biển, thành phố) nơi em đang sống không? Vì sao? (2 điểm)

A blank sheet of white graph paper with a light blue grid. The grid consists of small squares formed by thin blue lines. There are approximately 20 columns and 15 rows of squares visible on the page.

Câu 5. Em hãy giải các câu đố sau: (2 điểm)

a) Cá gì nghe ngõ bay cao lên trời?

[illegible]

b) Cá gì tên giống có vòi?

[illegible]

c) Cái gì giống “cậu ông trời” cái tên?

[illegible]

d) Cá gì vượt thác hóa rồng?

[illegible]

Câu 6. Em hãy điền dấu phẩy vào những chỗ thích hợp trong các câu in đậm của đoạn văn sau: (2 điểm)

Sông cho tôi kinh nghiệm về từng loại môi để quyn rũ mỗi loài cá. Cá rô phi khoái ăn môi tép cá rô đồng khoái khẩu môi giun cá lóc mê mẩn môi ếch nhái.... Ngày đó, chúng tôi dùng sông làm sân chơi. Bơi thì có bơi ếch bơi bướm bơi chó bơi sải bơi ngựa bơi đứng bơi trườn,... Lặn thì có lặn sâu lặn dài.

Câu 7. Em hãy nói câu hỏi với câu trả lời thích hợp: (2 điểm)

a) Vì sao trẻ em thường thích biển?

1. Vì biển Việt Nam rất đẹp với những bãi biển rộng, nước biển trong xanh, hiền hòa.

b) Vì sao biển lại quan trọng với đời sống con người?

2. Vì biển là nguồn tài nguyên vô tận nuôi sống con người.

c) Vì sao biển ở Việt Nam lại thu hút nhiều khách nước ngoài?

3. Vì trẻ em có thể tắm biển, chơi nhiều trò chơi thú vị trên biển.

Câu 1

Chuyện quả bầu

Từ trong quả bầu, những con người bé nhỏ nhẩy ra. Người Khơ-mú nhanh nhẩy ra trước. Tiếp đến người Thái, người Tày, người Nùng, người Mường, người Dao, người Hmông, người Ê-đê, người Ba-na, người Kinh... lần lượt ra theo.

This image shows a full page of blank graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.

Câu 2. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 4 - 5 câu) tả loài chim mà em thích nhất. (6 điểm)

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The paper features a uniform grid of small squares formed by thin blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.

Đề khảo sát đầu năm số 3



I. ĐỌC THÂM VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI (10 điểm)

Bác sĩ

Trái tim ươm những nụ cười,
Dịu dàng thăm khám cho người ốm đau.
Với bao câu nói ngọt ngào.
Như có phép thuật, gửi vào bệnh nhân.
Người bệnh hơn cả người thân,
Sớm, khuya chăm sóc, ân cần hỏi han.
Ánh mắt Bác sĩ dịu dàng,
Khiến cho người bệnh trút ngàn âu lo.

(Liên Phạm)



Dựa vào nội dung bài đọc trên, khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất hoặc làm theo yêu cầu của mỗi câu hỏi.

Câu 1. Bài thơ trên nói về ai? (0,5 điểm)

- A. Bài thơ nói về người lao động.
- B. Bài thơ nói về bác sĩ.
- C. Bài thơ nói về cô chú công nhân.
- D. Bài thơ nói về cô lao công.

Câu 2. Bác sĩ thường hay làm công việc gì? (0,5 điểm)

- A. Đi giám sát công trình..
- B. Xây nhà cửa.
- C. Thăm khám cho người ốm đau.
- D. Dạy học.



Câu 3. Bác sĩ có thái độ như thế nào với bệnh nhân của mình? (0,5 điểm)

- A. Bác sĩ thờ ơ, không quan tâm đến bệnh nhân của mình.
- B. Bác sĩ chỉ khám bệnh cho bệnh nhân và không hỏi han gì thêm.
- C. Bác sĩ rất yêu thương bệnh nhân nhưng không ân cần hỏi han.
- D. Bác sĩ sớm, khuya chăm sóc, ân cần hỏi han với bệnh nhân của mình.

Câu 4. Em muốn nhắn gửi điều gì đến những người làm bác sĩ? (1 điểm)

Câu 5. Điền r/ d/ gi vào chỗ chấm trong đoạn văn sau: (2 điểm)

Một bạn nhỏ đã gửi thư cho bác sĩ chữa bệnh cho mình, trong đó có những  lời thư: "Lòng cháu biết ơn sâu sắc vì sự hi sinh của các bác. Một sự hi sinh thầm lặng trên một đấu trường thầm lặng mà các bác chứ không ai khác là những chiến binh, đồng hành cùng cháu từng  giây phút để bảo vệ cháu, chăm sóc cháu,  ành lại sự sống không chỉ cho  iêng mình cháu."

Câu 6. Em hãy nối hai từ mang nghĩa trái ngược nhau: (1,5 điểm)

Quan tâm

Ngũ ngọc

Lợi ích

Tươi mới

Thông minh

Cũ kĩ

Thờ ơ

Thiệt hại

Câu 7. Em hãy gạch chân dưới những từ chỉ màu sắc trong đoạn văn sau:

(0,5 điểm)

Cứ mỗi ngày, lịch lại thay một khuôn mặt mới, rạng rỡ và vui vẻ. Vào ngày chủ nhật, lịch thay chiếc áo giản dị hàng ngày bằng màu sắc đỏ tươi, làm ứng hồng cả trang giấy trắng tinh.

Câu 8. Nối ý thích hợp ở cột nghề nghiệp cho các từ ngữ ở cột công việc: (2 điểm)

Nghề nghiệp

Công việc

Nông dân

Chỉ đường, giữ trật tự làng xóm, phố phường...

Công an

Bán sách, bút, gạo, kẹo, đồ chơi....

Công nhân

Cây lúa, trồng khoai, thả cá....

Người bán hàng

Làm vải mặc, giày dép, bánh kẹo, xe máy....

Câu 9. Em hãy đặt một câu để nói về hoạt động của người nông dân: (1 điểm)



Câu 10. Gạch chân dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Ở đâu?” trong câu sau:
(0,5 điểm)

Mọi người dân Việt Nam đều hướng về các y, bác sĩ ở tuyến đầu chống dịch.

II. KIỂM TRA VIẾT. (10 điểm)

Câu 1. Chính tả (Tập chép): (4 điểm)

Việt Nam có Bắc

Bác là non nước trời mây
Việt Nam có Bác mỗi ngày đẹp hơn
Còn cao hơn đỉnh Trường Sơn
Nghìn năm chung đúc tâm hồn ông cha
Điều lục bát, khúc dân ca
Việt Nam là Bác, Bác là Việt Nam.



This image shows a full page of blank graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.

Câu 2. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 4 đến 5 câu) kể về gia đình em theo gợi ý sau: (6 điểm)

Gợi ý:

- Gia đình em gồm mấy người? Đó là những ai?
- Mọi người làm công việc gì?
- Tình cảm của em đối với mọi người ra sao?

[illegible]

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 4, Tổng Duy Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.3825.2916 Website: www.nxbhanoi.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc - Tổng Biên tập: **Vũ Văn Việt**

Biên tập: **Phạm Thị Thu Trang**

Thiết kế bìa & trình bày: **Uyển Uyển**

ÔN HÈ TIẾNG VIỆT 2

DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2 LÊN 3

ISBN: 978-604-359-297-9

Đối tác liên kết xuất bản:

Công ty cổ phần sách Qbooks

Địa chỉ: Số 1, ngõ 192/173/66, Lê Trọng Tấn, P. Định Công,

Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

In 10.000 cuốn, khổ 19 x 26,5cm Tại Công ty CP Thương mại Nguyễn Hoàng

Địa chỉ: Số 44 Thụy Hà, Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội

Số xác nhận XB: 532-2022/CXBIPH/01-42/HN

Theo QĐXB số: 615/QĐ-HN cấp ngày 08/03/2022

In xong và nộp lưu chiểu năm 2022